

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2017/DS -ST.

Ngày: 14-12-2017.

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hoài Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Màu
2. Ông Hà Văn Quen

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Vân, Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã
Duyên Hải.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham
gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tuấn Sĩ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã
Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
212/2008/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2008, về việc “Tranh chấp quyền sử
dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 34/2017/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 11 năm 2017, giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Bà N, sinh năm 1940

Địa chỉ: ấp B, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh K, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp B, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: có Luật sư Nguyễn
Hoàng O, Văn phòng Luật sư Sáu Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Phan Hoàng Đ, sinh năm 1945 (chết)

Địa chỉ: ấp B, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phan Hoàng Đ:

1/ Chị Phan Thị Hồng Đ, sinh năm 1979 (có yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: LOUISIANA 70435 USA.

2/ Chị Phan Thị Bé Đ, sinh năm 1981(có yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: street M.02148 USA

3/ Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1955(có mặt)

4/ Ông Phan Việt DT sinh năm 1977 (có mặt).

5/ Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1989 (có yêu cầu xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh

6/ Chị Phan Thị Ngọc Đ, sinh năm 1983(có yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường M, phường Hiệp BC, Quận T Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1977.

2/ Chị Phạm Hồng N, sinh năm 1980.

Đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Hồng N và Phạm Ngọc Đ là anh Phạm Minh K sinh năm 1983.

3/ Anh Phạm Minh K, sinh năm 1983 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh

4/ Chị Phan Thị Hồng Đ, sinh năm 1979(có yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: LOUISIANA 70435 USA

5/ Chị Phan Thị Bé Đ, sinh năm 1981(có yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: street M, 02148 USA

6/ Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1955 (có mặt)

7/ Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1989(có yêu cầu xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh

8/ Chị Phan Thị Ngọc Đ, sinh năm 1983(có yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường M, phường Hiệp BC, Quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Minh K trình bày: Phần đất thửa 162 tờ bản đồ số 2 có diện tích 3.340 m² tọa lạc tại ấp B, xã DT, huyện DH, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh), Ủy ban nhân dân huyện DH đã cấp quyền sử dụng đất cho bà N vào năm 2006, phần đất này có nguồn gốc của ông bà để lại. Vào ngày 20-6-2008 ông Phan Hoàng Đ là người có phần đất kế bên đã ngang nhiên lấn chiếm 01 phần phần có diện tích khoảng 494 m² và ông Đ còn kê xe cải tiến lấy phần lớp đất mặt của phần đất này khoảng 60 m³. Sau đó bà N có các đơn khởi kiện bổ sung cho rằng ông Đ đã lấn chiếm thửa 162 có diện tích 517 m², và phần đất mà ông Đ đã lấy đi có khối lượng là 220 m³, do đó bà N yêu cầu ông Đ trả lại phần đất này cho bà N, ngoài ra bà N còn yêu cầu ông Đ bồi thường phần đất mà ông Đ đã lấy đi có khối lượng là 220 m³.

Bị đơn ông Phan Hoàng Đ chết do tai nạn giao thông vào ngày 28-9-2017 trước đó ông Đ có các bản tự khai cho rằng phần đất mà bà N đang tranh chấp với ông Đ có nguồn gốc của ông bà của ông Đ, năm 1976 ông Đ sau khi đi bộ đội về và canh tác trên phần đất này cho đến nay. Ông Đ cho rằng do đất của ông Đ liền kề với đất của bà N, đất của bà N là đất lúa còn đất của ông Đ là đất giồng, ông Đ

là người sử dụng đất này liên tục phía bà N không sử dụng chỉ cho người khác thuê trồng dưa hấu, hơn nữa ông Đ cho rằng khi cấp quyền sử dụng đất cho bà N đã cấp chồng lấn phần đất của ông Đ. Do đó ông Đ không đồng ý trả lại phần đất này cho bà N, về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà N, ông Đ không đồng ý trên cơ sở ông Đ cho rằng ông Đ chỉ lấy khoảng 9 m³ đất tranh chấp này, do đó không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà N. Sau khi ông Đ chết những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Hoàng Đ gồm: Bà Phạm Thị Hồng T, anh Phan Việt DT, anh Phan Văn Đ, chị Phan Thị Hồng Đ, Phan Thị Bé Đ, Phan Thị Ngọc Đ đều thống nhất với lời trình bày của ông Đ trước đây, cụ thể: đối với phần đất đang tranh chấp với bà N các đương sự này cho rằng phần đất này là của gia đình ông Đ, ông Đ đã canh tác phần đất này phía bà N không có canh tác trên phần đất này, sau khi ông Đ chết phần đất này giao cho ông Phan Việt DT quản lý sử dụng, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà N: bà Thủy và anh Đoàn thống nhất yêu cầu của ông Đ là ông Đ chỉ lấy 09 m³ đất trên phần đất tranh chấp trên cơ sở bà Thủy, anh Đoàn cho rằng phần đất này thuộc gia đình ông Đ. Các chị Đinh, chị Đoàn, chị Đào, anh Độ trước đây ủy quyền cho ông Đ thống nhất lời trình bày của ông Đ về việc lấy 09 m³ đất này, sau khi ông Đ chết các đương sự này không có ý kiến về việc bồi thường thiệt hại này.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên phía nguyên đơn gồm: chị Phạm Ngọc Đ, chị Phạm Hồng N, anh Phạm Minh K trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn N và yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc ông Phan Hoàng Đ nay là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ trả lại phần đất có diện tích 517 m² thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp B, xã DT, thị xã DH và yêu cầu những người này bồi thường thiệt hại phần đất mà ông Đ đã lấy đi với khối lượng 220 m³ với đơn giá thỏa thuận trước đây giữa nguyên đơn với ông Đ là 100.000đ/m³ tương ứng với số tiền 22.000.000 đồng

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên phía bị đơn gồm: Bà Phạm Thị Hồng T, anh Phan Văn Đ, chị Phan Thị Hồng Đ, Phan Thị Bé Đ, Phan Thị Ngọc Đ trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông Phan Hoàng Đ phần đất tranh chấp với bà N là của gia đình ông Đ nên không đồng ý trả lại phần đất này. Đối với yêu cầu bồi thường thống nhất với lời trình bày của ông Đ chỉ lấy 09 m³ đất đối với phần đất tranh chấp.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa bà N với ông Phan Hoàng Đ thuộc thửa 162 có nguồn gốc trước đây là của cha mẹ bà N vào năm 1960, cha mẹ bà N đã cho chị của bà N là bà Cao Thị Ngọa, sau đó bà Ngọa đã cho bà N phần đất này. Phần đất này theo tư liệu địa chính năm 1983 thì do chị bà N là bà N2 đăng ký kê khai đến năm 1998 thì do bà N đăng ký kê khai, phía gia đình ông Đ không có kê khai đăng ký phần đất này, hơn nữa một số người làm chứng đều xác nhận phần đất này do bà N sử dụng canh tác, trước khi tranh chấp thì bà N cho người khác thuê trồng màu, hơn nữa Ủy ban nhân dân huyện DH trước đây cũng như Ủy ban nhân dân thị xã DH sau này đều trả lời rõ cho Tòa án là phần đất này cấp cho bà N là đúng đối tượng cũng như quy trình cấp đất theo quy định của pháp luật, từ đó Vì

luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc ông Đ sau khi ông Đ chết người đang quản lý phần đất này là con ông Đ ông Phan Việt DT phải giao lại cho bà N phần đất có diện tích 517 m² thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp B, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của bà N đối với ông Đ cũng như những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ sau này, tại phiên tòa sơ thẩm, anh Ký là đại diện theo ủy quyền của bà N đã rút lại một phần yêu cầu chỉ yêu cầu phía người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ chỉ bồi thường 9m³ tương ứng với số tiền 900.000 đồng, tuy ông Đ chết nhưng ông Đ cũng có tài sản để lại như các thửa đất 108 có diện tích 5.583 m², thửa 159 có diện tích 1.162 m² cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc ấp B, xã DT, thị xã DH, hơn nữa tại phiên tòa sơ thẩm người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm anh Phan Việt DT, bà Phạm Thị Hồng T đều thống nhất với lời trình bày của ông Đ trước đây là có lấy 9m³ trên phần đất tranh chấp vì cho rằng phần đất tranh chấp của gia đình ông Đ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà N và buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ phải bồi thường cho bà N 9m³ đất tương ứng với 900.000 đồng.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và thư ký tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối.

Về nội dung vụ án:

Đối yêu cầu về tranh chấp quyền sử dụng đất của bà N đối với ông Phan Hoàng Đ cũng như những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Đ, qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở pháp lý xác định phần đất thửa 162, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp B, xã DT, thị xã DH thuộc quyền sử dụng đất của bà N, phần đất đang tranh chấp giữa bà N với ông Đ có diện tích 517 m² thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 2, do đó yêu cầu của bà N là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này. Đối yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của bà N, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bà N đã rút lại một phần yêu cầu này chỉ còn yêu cầu ông Đ cũng như người kế thừa quyền và

nghĩa vụ tố tụng của ông Đ bồi thường 9m^3 tương ứng với số tiền 900.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này. Phía người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ gồm anh Đoàn và bà Thủy cũng thống nhất là ông Đ đã lấy đi 9m^3 đất này, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ phải bồi thường cho bà N 9m^3 đất tương ứng với số tiền 900.000 đồng.

Những yêu cầu kiến nghị: Kiến nghị Tòa án trong việc thụ lý đơn khởi kiện phải đúng nội dung đơn khởi kiện vì việc thụ lý vượt phạm vi khởi kiện của bà N 3m^2 là vi phạm khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy việc bà N yêu cầu hộ ông Phan Hoàng Đ giao lại cho bà N phần đất có diện tích 517m^2 thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại ấp B, xã DT, thị xã DH và yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Hoàng Đ bồi thường thiệt hại phần đất mà ông Đ trước đây đã lấy từ phần đất đang tranh chấp, phần đất lấy đi có khối lượng 220m^3 tương ứng với số tiền 22.000.000 đồng, nên đây là quan hệ tranh chấp về tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định tại khoản 9, khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét việc bà N tranh chấp với hộ ông Phan Hoàng Đ phần đất diện tích 517m^2 thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại ấp B, xã DT, thị xã DH cũng như sau khi Tòa án nhân dân huyện DH thụ lý hồ sơ vụ án thì các thành viên của hộ ông Đ gồm các chị Phan Thị Hồng Đ và chị Phan Thị Bé Đ mới định cư tại Mỹ, do đó vụ án không có yếu tố nước ngoài theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã DH.

[3] Xét thấy nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà N với ông Phan Hoàng Đ là thửa đất 162, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp B, xã DT, thị xã DH. Phần đất này theo tư liệu địa chính năm 1998 thì phần đất này có diện tích 3.340m^2 , thuộc tờ bản đồ số 2, chủ sử dụng do bà N. Ủy ban nhân dân huyện DH đã cấp quyền sử dụng đất cho bà N đối thửa 162 diện tích 3.340m^2 , thuộc tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm khác, đất tọa lạc tại ấp B, xã DT, huyện DH (nay ấp B, xã DT, thị xã DH) vào năm 2006. Đối quá trình sử dụng đất thì bà N là người quản lý sử dụng đất này, cụ thể là bà N có canh tác trên phần đất này sau đó có cho người khác thuê trồng dưa hấu. Phía ông Đ cũng như hộ của ông Đ cho rằng phần đất này có nguồn gốc của gia đình ông Đ, tuy nhiên theo tư liệu địa chính thì gia đình ông Đ hoàn toàn không có kê khai phần đất này, hơn nữa tại Công văn số 340 ngày 08-5-2012 của Ủy ban nhân dân huyện DH cũng khẳng định việc cấp quyền sử dụng đất cho bà N là đúng đối tượng và đúng quy trình cấp đất hơn nữa tại Công văn số 339, ngày 24-12-2015 của Ủy ban nhân dân thị xã DH cũng xác định phần đất thửa 162 của bà N có nguồn gốc địa chính là của cha mẹ bà N để lại, Ủy ban nhân dân huyện DH đã cấp quyền sử dụng đất này cho bà N là có căn cứ và đúng quy trình. Do đó phần đất thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 2 diện tích 3.340m^2 tọa lạc tại ấp B, xã DT, huyện DH (nay ấp B, xã DT, thị xã DH) xét về

việc đăng ký kê khai cũng như quá trình sử dụng đất là do bà N, nên Ủy ban nhân dân huyện DH cũng như Ủy ban nhân dân thị xã DH đều xác định phần đất này cấp cho bà N là đúng đối tượng và quy trình là có căn cứ và phù hợp với quy định của Luật đất đai.

[4] Xét diện tích đất tranh chấp giữa bà N với hộ ông Đ theo đơn khởi kiện ban đầu có diện tích 494 m² thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc ấp B, xã DT, huyện DH (nay ấp B, xã DT, thị xã DH) sau đó theo kết quả khảo sát của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh thì phần đất này có diện tích 517 m², nên bà N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hộ ông Đ phải trả lại phần đất này cho bà N là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Hiện tại sau khi ông Đ chết phần đất đang tranh chấp gia đình ông Đ đang giao phần đất này cho ông Phan Việt DT quản lý phần đất này, do đó thiết nghĩ buộc ông Đoàn phải giao lại phần đất này cho bà N, phần đất này có diện tích 517 m², thửa 162, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã DT, thị xã DH có tứ cận như sau:

- Đông giáp thửa 108, thửa 159 có kích thước cạnh 20,5m, 19,1m.
- Tây giáp thửa 162 có kích thước cạnh 16,3m, 17,9m.
- Nam giáp thửa 165 có kích thước cạnh 1,6m.
- Bắc giáp thửa 108 có kích thước cạnh 26,8 m.

[5] Đối với yêu cầu của bà N về việc yêu cầu ông Đ sau này là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với phần đất mà ông Đ đã lấy đi từ phần đất tranh chấp là 220 m³, tại phiên tòa sơ thẩm, anh Phạm Minh K là người đại diện theo ủy quyền của bà N đã rút một phần yêu cầu chỉ yêu cầu Tòa án buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ bồi thường phần đất đã lấy đi với khối lượng 9m³ tương ứng với số tiền 900.000 đồng. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút đi. Tại phiên tòa sơ thẩm phía người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ cũng gồm anh Phan Việt DT và bà Phạm Thị Hồng T cũng thừa nhận là ông Đ trước đây có lấy đi 9m³ đất từ phần đất tranh chấp vì ông Đ cho rằng phần đất tranh chấp của gia đình ông Đ, anh DT và bà T cho rằng nếu Hội đồng xét xử tuyên phần đất tranh chấp thuộc gia đình bà N thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ sẽ bồi thường cho bà N số đất lấy đi là 9m³ tương ứng với số tiền 900.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của bà N đối 9m³ đất là có căn cứ và phía ông Đ trước đây cũng như những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ cũng thừa nhận là ông Đ có lấy đi 9m³ đất từ phần đất tranh chấp. Xét ông Đ chết vì tai nạn giao thông tuy nhiên ông Đ có để lại nhiều tài sản trong đó như các thửa đất như các thửa đất 108 có diện tích 5.583 m², thửa 159 có diện tích 1.162 m² cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc ấp B, xã DT, thị xã DH, từ đó Hội đồng xét xử nghĩ buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ gồm: Bà Phạm Thị Hồng T, anh Phan Việt DT, anh Phan Văn Đ, chị Phan Thị Hồng Đ, Phan Thị Bé Đ, Phan Thị Ngọc Đ bồi thường cho bà N 9m³ đất tương ứng với số tiền 900.000 đồng.

[7] Xét quan điểm của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận

[8] Đối kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã DH cho rằng trước đây Tòa án nhân dân huyện DH đã thụ lý vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn là không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên vi phạm này đã được Tòa án nhân dân thị xã DH khắc phục, do đó Hội xét xử ghi nhận việc kiến nghị này của Viện kiểm sát nhân dân thị xã DH.

- Về chi phí thẩm định: Quá trình thẩm định được tiến hành 03 đợt, tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đã thỏa thuận và khoản chi phí thẩm định này, cụ thể: Đợt I chi phí thẩm định 1.200.000 đồng, nguyên đơn chịu khoản chi phí này. Đợt II chi phí 4.600.000 đồng nguyên đơn chịu $\frac{1}{2}$ còn lại $\frac{1}{2}$ bị đơn chịu khoản chi phí này. Đợt III chi phí 2.500.000 đồng phía bị đơn cụ thể người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn chịu khoản chi phí này

Về án phí: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu án phí 300.000 đồng về tranh chấp quyền sử dụng đất và 300.000 đồng về tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, do bà Bà Phạm Thị Hồng T đã trên 60 tuổi, do đó miễn án phí cho bà T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 6, 9 Điều 26, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 99 Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực ngày 01-7-2014.

Áp dụng Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông Phan Hoàng Đ sau này là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ giao lại phần đất có diện tích 517 m², thửa 162, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã DT, thị xã DH

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Hoàng Đ, cụ thể là anh Phan Việt DT giao lại phần đất có diện tích 517 m², thửa 162, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã DT, thị xã DH cho bà N có tứ cận như sau:

- Đông giáp thửa 108, thửa 159 có kích thước cạnh 20,5m, 19,1m.
- Tây giáp thửa 162 có kích thước cạnh 16,3m, 17,9m.
- Nam giáp thửa 165 có kích thước cạnh 1,6m.
- Bắc giáp thửa 108 có kích thước cạnh 26,8 m.

2. Đình chỉ xét xử đối yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông Phan Hoàng Đ bồi thường số đất đã lấy đi từ phần đất tranh chấp có khối lượng 211m³ đất.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Hoàng Đ bồi thường 9m³ đất tương ứng với số tiền 900.000 đồng.

4. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Hoàng Đ gồm: Bà Phạm Thị Hồng T, anh Phan Việt DT, anh Phan Văn Đ, chị Phan Thị Hồng Đ, Phan Thị Bé Đ, Phan Thị Ngọc Đ bồi thường cho bà N 9m³ đất tương ứng với số tiền 900.000 đồng.

- Về án phí: Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 005963 ngày 06-11-2008, của Chi cục thi hành án dân sự huyện DH và 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0007766, ngày 21-11-2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DH.

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Hoàng Đ gồm: anh Phan Việt DT, anh Phan Văn Đ, chị Phan Thị Hồng Đ, Phan Thị Bé Đ, Phan Thị Ngọc Đ chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Về chi phí thẩm định: Nguyên đơn chịu chi phí thẩm định, cụ thể: Đợt I chi phí thẩm định 1.200.000 đồng. Đợt II nguyên đơn chịu 2.300.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp xong.

Bị đơn chịu 1/2 khoản chi phí thẩm định đợt II là 2.300.000 đồng và chi phí thẩm định đợt III 2.500.000 đồng, số tiền này bị đơn đã nộp xong. Hoàn trả lại cho bị đơn, cụ thể những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn số tiền còn thừa lại của chi phí thẩm định đợt III là 2.100.000 đồng. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng nhận tiền thừa này tại Tòa án nhân dân thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi các đương sự vắng mặt cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS.huyện Duyên Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Hoài Quốc